

Bản án số: 371/2026/DS - PT

Ngày 10 - 4 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Vương Minh Tâm

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2026/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 285/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 393/2026/QĐ – PT ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số E, khu phố P, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2025.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Nguyễn : Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2024.

2. Bà Bùi Thị Thúy V, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị Thúy V:

- Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: số C đường H, ấp M, phường M, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024.

- Bà Trần Minh H1, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: A khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2026.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Thúy V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và lời khai của ông Nguyễn Minh K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 14/12/2023, bà Nguyễn Thị H lập hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Duy T1. Hợp đồng ủy quyền giữa bà H và ông T1 được công chứng tại Văn phòng C1; địa chỉ: số C, đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, số công chứng 9242, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung của hợp đồng thì: “*Anh Nguyễn Duy T1 có quyền ký tên vào hợp đồng và các văn bản có liên quan (kể cả việc sửa đổi, bổ sung và hủy bỏ hợp đồng) để thực hiện việc nhận cọc, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn, cho thuê đối với tài sản nêu trên và nhận các khoản phát sinh từ việc thực hiện các việc trên*”. Việc bà H ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Duy T1 đều thông qua ông Trần Nguyễn . Nhận thấy có dấu hiệu không bình thường, bà H liên hệ ông Trần Nguyễn V1 yêu cầu ông Tân hủy hợp đồng ủy quyền nhưng ông N và ông T1 nhiều lần né tránh, không thực hiện. Khi biết được ông T1 tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng hai thửa đất số 377 và 378, tờ bản đồ số 9, tọa lạc xã T, tỉnh Vĩnh Long do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Thúy V thì bà H khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “*Cấm chuyển dịch quyền về tài sản*” vì bà H không có nhu cầu chuyển quyền sử dụng đất và cũng không có vay tiền của ông T1, ông N. Do không am hiểu pháp luật nên bà H bị ông N và ông T1 lừa dối ký kết hợp đồng ủy quyền giao cho ông T1 được quyền định đoạt quyền sử dụng hai thửa đất nêu trên cho ông T1. Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng ủy quyền lập ngày 14/12/2023 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Duy T1, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng

C1, số công chứng 9242, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Duy T1 với bà Bùi Thị Thúy V, hợp đồng được công chứng số 1235, quyển số: 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 28/12/2023.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T1: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Theo đơn yêu cầu độc lập, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thúy V và lời khai của ông Đỗ Văn C là người đại diện hợp pháp của bà V trình bày: Ngày 28/12/2023, bà V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng hai thửa đất số 377 và 378, tờ bản đồ số 9, xã T, huyện M do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Duy T1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V và ông T1 được công chứng tại Văn phòng C2 ; địa; địa chỉ: Lô S, Quốc lộ E, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre số 1235. Thời điểm này, đất không có tranh chấp, không bị kê biên hay ngăn chặn và không thuộc trường hợp không được chuyển nhượng; đồng thời hợp đồng uỷ quyền giữa bà H với ông T1 chưa hết hiệu lực, nội dung uỷ quyền phù hợp với giao dịch xác lập với bà V. Hai bên thoả thuận giá chuyển nhượng là 1.500.000.000đồng, bà V đã trả trước cho ông T1 1.000.000.000đồng, số tiền còn lại bà V sẽ trả đủ ngay sau khi bà V nhận được bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà V là chủ sử dụng đất. Nay bà H khởi kiện, bà V đồng ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị Thúy V và bà Nguyễn Thị H do ông Nguyễn Duy T1 làm đại diện. Bà V yêu cầu Toà án buộc bà H và ông T1 liên đới trả cho bà V số tiền 1.000.000.000(một tỷ) đồng, tính lãi từ ngày 28/12/2023 cho đến khi Toà án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị Thúy V.

Tuyên bố hợp đồng uỷ quyền lập ngày 14/12/2023 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Duy T1 được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 14/12/2023, số công chứng 9242, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Duy T1 với bà Bùi Thị Thúy V đối với hai thửa đất số 377 và 378, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre(nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) được công chứng tại Văn phòng C2, ngày 28/12/2023, số công chứng 1235, quyển số: 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Duy T1 hoàn trả cho bà Bùi Thị Thúy V số tiền 1.175.000.000 đồng. Trong đó, tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 175.000.000 đồng.

3. Bác yêu cầu của bà Bùi Thị Thúy V về việc buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Duy T1 trả tiền.

4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2024/QĐ-BPKCTT, ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long) vẫn còn hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thúy V kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Lê Hữu T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông Đỗ Văn C, bà Trần Minh H1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thúy V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà V. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Đỗ Văn C, bà Trần Minh H1 cho rằng bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Nguyễn Duy T1 chuyển nhượng các thửa đất 377, 378 nên bà H phải có trách nhiệm cùng với ông T1 trả lại số tiền mà ông T1 nhận của bà V; ông C, bà H1 yêu cầu ông T1, bà H trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà V, không yêu cầu tính lãi. Ông Lê Hữu T cho rằng khi bà V nhận chuyển nhượng các thửa đất 377, 378, bà V không đến gặp bà H là người đứng tên quyền sử dụng đất để tìm hiểu kỹ bà H có thật sự muốn chuyển nhượng các thửa đất 377, 378 hay không nên bà V không phải là người thứ ba ngay tình; ngoài ra ông T1 không có quyền quyết định về giá chuyển nhượng, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Nguyễn Duy T1 chuyển nhượng các thửa đất 377, 378 nên việc giữa bà V với ông T1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 377, 378 là phù hợp theo quy định tại Điều 138, 139 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nay bà V đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên nên bà H phải có trách

nhiệm cùng với ông T1 trả lại số tiền mà ông T1 đã nhận của bà V. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Đỗ Văn C, bà Trần Minh H1 là người đại diện hợp pháp của bà V chỉ yêu cầu bà H, ông T1 trả số tiền 1.000.000.000 đồng mà ông T1 đã nhận, không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc ông T1, bà H có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 1.000.000.000 đồng; đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2024/QĐ-BPKCTT, ngày 08 tháng 01 năm 2024, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Duy T1; ông Nguyễn Thanh G là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nguyễn vắng M nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị Thúy V yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Duy T1 trả cho bà V số tiền 1.175.000.000 đồng (Trong đó 1.000.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng và tiền lãi là 175.000.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Thừa đất số 377, diện tích 1.943,9m² và thửa 378, diện tích 461,9m², cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 106 - 107). Ngày 14/12/2023, bà Nguyễn Thị H lập hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Duy T1, theo nội dung của hợp đồng thì bà H ủy quyền cho ông T1 có quyền ký tên vào hợp đồng và các văn bản có liên quan (kể cả việc sửa đổi, bổ sung và hủy bỏ hợp đồng) để thực hiện việc nhận cọc, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn, cho thuê đối với hai thửa đất số 377, 378 và nhận các khoản phát sinh từ việc thực hiện các việc trên (BL 09 – 12). Ngày 28/12/2023, ông Nguyễn Duy T1 và bà Bùi Thị Thúy V lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng hai thửa đất số 377 và 378 với giá 1.500.000.000 đồng (BL 108 – 110). Bà V đã giao cho ông T1 nhận số tiền 1.000.000.000 đồng và ông T1 có làm biên nhận vào ngày 28/12/2023. Khi biết được ông T1 tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng hai thửa đất số 377 và 378 cho bà Bùi Thị Thúy V thì bà H khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên giữa ông T1 với bà V chưa thực hiện được.

[2.2] Như vậy, mặc dù bà H cho rằng bà H bị ông T1 lừa dối chứ bà H không có ý định chuyển nhượng các thửa đất 377, 378; bà H không có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng theo nội dung của hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2023 thì bà H ủy quyền cho ông T1 được quyền chuyển nhượng các thửa đất 377, 378 nên việc bà V ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T1 đối với các thửa đất 377, 378 là phù hợp theo quy định tại Điều 138, 139 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, bà H phải có một phần trách nhiệm đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mà ông T1 đã nhận của bà V. Nay bà V đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Đỗ Văn C, bà Trần Minh H1 là người đại diện hợp pháp của bà V chỉ yêu cầu bà H, ông T1 trả số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1.000.000.000 đồng mà ông T1 đã nhận, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử buộc bà H, ông T1 mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 500.000.000 đồng.

[3] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần.

[4] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Duy T1, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 1.050.000 đồng. Do bà H nộp tạm ứng số tiền 2.100.000 đồng nên ông T1 có nghĩa vụ nộp lại số tiền 1.050.000 đồng để trả cho bà H.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Duy T1 phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số: 0003874 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 9- Vĩnh Long), bà H phải nộp tiếp số tiền 23.400.000 đồng.

Bà Bùi Thị Thúy V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004916 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 9- Vĩnh Long).

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Thúy V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai số 0007680 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị Thúy V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 116, 117, 385, 422, 423, 427, 500, 501, 502 và 503 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị Thúy V.

Tuyên hủy hợp đồng ủy quyền lập ngày 14/12/2023 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Duy T1 được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 14/12/2023, số công chứng 9242, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Duy T1 với bà Bùi Thị Thúy V đối với hai thửa đất số 377 và 378, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) được công chứng tại Văn phòng C2, ngày 28/12/2023, số công chứng 1235, quyển số: 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD.

Buộc ông Nguyễn Duy T1, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thúy V số tiền 500.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc bà Bùi Thị Thúy V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất 377, 378, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cho bà Nguyễn Thị H.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Duy T1, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 1.050.000 đồng. Do bà H nộp tạm ứng số tiền 2.100.000 đồng nên ông T1 có nghĩa vụ nộp lại số tiền 1.050.000 đồng để trả cho bà H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Duy T1 phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số: 0003874 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam,

tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 9- Vĩnh Long), bà H phải nộp tiếp số tiền 23.400.000 đồng.

Bà Bùi Thị Thúy V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004916 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 9- Vĩnh Long).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Thúy V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai số 0007680 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng